

TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM
HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN KỲ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chuyên ngành dự tuyển	Thi ngoại ngữ	Thi Đánh giá năng lực (Toán&KTH)	Ghi chú
1	Lê Xuân Anh	18.10.1998	Nam	Hải Phòng	CNTT	Miễn TA	Không áp dụng	
2	Nguyễn Phương Anh	06.09.1989	Nữ	Quảng Ninh	QLHH	TA	Không áp dụng	
3	Phạm Quốc Anh	03.10.1997	Nam	Hà Nội	QLHH	TA	Không áp dụng	
4	Phạm Thị Hoàng Anh	26.12.1990	Nữ	Nha Trang	QLHH	TA	Không áp dụng	
5	Phạm Văn Anh	23.07.1985	Nam	Thái Bình	QLHH	TA	Không áp dụng	
6	Đàm Thị Vân Anh	29.06.1997	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
7	Đỗ Thị Ngọc Anh	06.04.1996	Nữ	Hải Phòng	QLMT	Miễn TA	Không áp dụng	
8	Hoàng Việt Anh	14.02.1988	Nam	Hải Phòng	QLMT	TA	Không áp dụng	
9	Vũ Việt Anh	19.01.1996	Nam	Hải Phòng	QLSXCN	Miễn TA	Không áp dụng	
10	Nguyễn Xuân Bình	31.03.1972	Nam	Hà Nội	QLHH	TA	Không áp dụng	
11	Hoàng Ngọc Cảnh	03.10.1988	Nam	Đắk Lắk	QLHH	TA	Không áp dụng	
12	Nguyễn Thị Chi	18.02.1984	Nữ	Thanh Hóa	QLHH	TA	Không áp dụng	
13	Ngô Vũ Mai Chi	26.04.1997	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
14	Hoàng Kim Cương	20.09.1996	Nam	Bắc Ninh	QLĐAĐT&XD	Miễn TA	Không áp dụng	
15	Trần Thị Kim Cương	12.11.1980	Nữ	Vĩnh Long	QLĐAĐT&XD	TA	Không áp dụng	
16	Bùi Mạnh Cường	22.09.1985	Nam	Hà Tĩnh	KTĐK&TDH	TA	Không áp dụng	
17	Hà Mạnh Cường	03.07.1993	Nam	Hà Nam	KTTT	TA	Không áp dụng	
18	Nguyễn Mạnh Cường	30.09.1998	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
19	Nguyễn Tiến Cường	09.12.1996	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
20	Nguyễn Vũ Cường	18.12.1997	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
21	Trương Quang Đại	11.12.1994	Nam	Hải Phòng	QLVT&Logistics	TA	Không áp dụng	
22	Lê Tiến Đạt	31.05.1998	Nam	Hải Dương	QLĐAĐT&XD	Miễn TA	Không áp dụng	
23	Vũ Thành Đạt	22.09.1992	Nam	Thái Bình	QLHH	TA	Không áp dụng	
24	Đặng Tuấn Đạt	08.11.1996	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
25	Nguyễn Thị Diên	03.11.1992	Nữ	Hải Dương	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
26	Ngô Tiến Đông	29.12.1994	Nam	Hà Nội	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
27	Phạm Văn Dư	24.12.1996	Nam	Hải Phòng	QLSXCN	Miễn TA	Không áp dụng	
28	Mạc Thị Dự	10.09.1994	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
29	Quách Anh Đức	24.04.1983	Nam	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
30	Đoàn Thị Kim Dung	24.12.1992	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
31	Mạc Thị Đăng Dung	17.02.1996	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
32	Nguyễn Thanh Dung	06.05.1988	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
33	Võ Tá Dũng	22.12.1997	Nam	Nghệ An	BDATHH	Miễn TA	Không áp dụng	
34	Nguyễn Tiến Dũng	19.10.1982	Nam	Hải Phòng	KTĐT-VT	TA	Không áp dụng	
35	Nguyễn Hoàng Dũng	23.02.1996	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chuyên ngành dự tuyển	Thi ngoại ngữ	Thi Đánh giá năng lực (Toán&KTH)	Ghi chú
36	Nguyễn Việt Dũng	14.06.1973	Nam	Hưng Yên	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
37	Trần Nguyễn Bảo	07.11.1992	Nam	Quảng Nam	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
38	Phạm Anh	02.04.1994	Nam	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
39	Trần Linh	27.07.1996	Nữ	Quảng Bình	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
40	Đoàn Thị Thu	21.01.1993	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
41	Trần Thị Thu	04.07.1990	Nữ	Đắk Lắk	QLHH	TA	Không áp dụng	
42	Bùi Ngọc	08.10.1985	Nữ	Hải Dương	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
43	Đào	20.08.1984	Nam	Hải Phòng	CNTT	TA	Không áp dụng	
44	Đào Quang	24.11.1987	Nam	Hải Phòng	CNTT	TA	Không áp dụng	
45	Nguyễn Thanh	19.09.1989	Nam	Nam Định	QLHH	TA	Không áp dụng	
46	Trần Minh	16.09.1979	Nam	Quảng Ngãi	QLHH	TA	Không áp dụng	
47	Trần Xuân	12.05.1981	Nam	Nha Trang	QLHH	TA	Không áp dụng	
48	Hoàng Thị Hằng	14.08.1990	Nữ	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
49	Nguyễn Thị Hải	05.09.1992	Nữ	Hải Dương	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
50	Lương Hoàng	24.09.1999	Nam	Hải Phòng	QLHH	Miễn TA	Không áp dụng	
51	Nguyễn Trung	07.09.1997	Nam	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
52	Nguyễn Xuân	13.02.1980	Nam	Thanh Hóa	QLHH	TA	Không áp dụng	
53	Bùi Huy	13.11.1999	Nam	Hà Nam	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
54	Lê Hải	22.05.1997	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
55	Nguyễn	17.07.1987	Nam	Thừa Thiên Huế	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
56	Đoàn Duy	29.10.1991	Nam	Thái Bình	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
57	Đỗ Nguyễn Minh	18.04.1997	Nam	TP. Hồ Chí Minh	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
58	Nguyễn Thị	02.01.1992	Nữ	Tuyên Quang	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
59	Vũ Thị	28.08.1996	Nữ	Nam Định	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
60	Trần Phi	09.04.1993	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
61	Nguyễn Việt	31.03.1996	Nam	Hải Phòng	QLMT	TA	Không áp dụng	
62	Phạm Thị Hồng	29.12.1980	Nữ	Nha Trang	QLHH	Miễn TA	Không áp dụng	
63	Trần Văn	03.10.1996	Nam	Hưng Yên	CNTT	Miễn TA	Không áp dụng	
64	Dư Đức	27.05.1999	Nam	Hải Phòng	QLHH	Miễn TA	Không áp dụng	
65	Phạm Đức	18.11.1991	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
66	Bùi Thị Thanh	03.01.1996	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
67	Hồ Ngọc	13.03.1996	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
68	Lê Thị Ngọc	17.10.1999	Nữ	Bình Phước	QLVT&Logistics	Miễn TA	Không áp dụng	
69	Vũ Thị Ngọc	21.10.1990	Nữ	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL	
70	Nguyễn Duy	02.09.1993	Nam	Nam Định	QLMT	Miễn TA	Không áp dụng	
71	Nguyễn Mạnh	28.09.1990	Nam	Hà Nam	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
72	Nguyễn Văn	12.04.1994	Nam	Thái Nguyên	CNTT	TA	Không áp dụng	
73	Mai Tùng	25.07.1989	Nam	Thanh Hóa	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
74	Đặng Nhật	15.08.1999	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
75	Phạm Thị Mai	12.03.1988	Nữ	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chuyên ngành dự tuyển	Thi ngoại ngữ	Thi Đánh giá năng lực (Toán&KTH)	Ghi chú
76	Hoàng Thị Phương	Linh	21.09.1998	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
77	Lê Thị Phương	Linh	16.02.1998	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
78	Nguyễn Duy	Linh	17.01.1989	Nam	TP. Hồ Chí Minh	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
79	Vũ Tuấn	Linh	01.06.1988	Nam	Thái Bình	QLSXCN	TA	Không áp dụng
80	Chu Thành	Luân	06.06.1992	Nam	Phú Thọ	QLMT	TA	Không áp dụng
81	Bùi Thị Quỳnh	Mai	08.06.1990	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
82	Vũ Thị Tuyết	Mai	30.04.1990	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
83	Nguyễn Quang	Minh	09.09.1992	Nam	Hải Phòng	QLĐAĐT&XD	TA	Không áp dụng
84	Hà Quang	Minh	06.07.1999	Nam	Hải Phòng	QLTC	Miễn TA	Thi ĐGNL
85	Mai Phương	Minh	02.02.1996	Nam	Hải Phòng	QLVT&Logistics	TA	Không áp dụng
86	Lương Thế	Nghi	16.12.1994	Nam	Tây Ninh	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
87	Trương Thị Kim	Ngọc	17.08.1980	Nữ	Hải Phòng	QLHH	Miễn TA	Không áp dụng
88	Lê Thị Bích	Ngọc	28.08.1989	Nữ	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL
89	Hạ Thành	Nhân	22.01.1996	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
90	Nguyễn Hoàng	Ninh	17.01.1977	Nam	Hải Phòng	KTĐT-VT	TA	Không áp dụng
91	Trần Tuấn	Ninh	03.10.1981	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
92	Đỗ Thị Kim	Oanh	25.08.1995	Nữ	Nam Định	QLTC	TA	Thi ĐGNL
93	Nguyễn Hồ Hồng	Phát	15.02.1999	Nam	Cộng hòa Séc	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
94	Trần Trọng	Phú	28.12.1998	Nam	Quảng Ninh	QLĐAĐT&XD	Miễn TA	Không áp dụng
95	Huỳnh Vĩnh	Phước	11.07.1982	Nam	Nha Trang	QLHH	TA	Không áp dụng
96	Phan Lương	Quân	06.03.1996	Nam	Hải Phòng	CNTT	Miễn TA	Không áp dụng
97	Bùi Đăng	Quang	18.11.1991	Nam	Nghệ An	QLHH	TA	Không áp dụng
98	Nguyễn Văn	Quang	03.08.1999	Nam	Hải Phòng	QLVT&Logistics	Miễn TA	Không áp dụng
99	Nguyễn Duy	Quảng	03.12.1989	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
100	Lương Đức	Quyển	17.11.1991	Nam	Hải Phòng	KTDK&TĐH	TA	Không áp dụng
101	Trần Đồng	Quyết	10.07.1992	Nam	Hà Nam	KTĐT-VT	TA	Không áp dụng
102	Nguyễn Văn	Quyết	06.10.1994	Nam	Hải Dương	KTTT	TA	Không áp dụng
103	Ngô Thị Như	Quỳnh	23.07.1990	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
104	Trần Đức	Sáng	20.09.1976	Nam	Bắc Giang	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
105	Ninh Công	Sơn	07.10.1989	Nam	Thanh Hóa	KTDK&TĐH	TA	Không áp dụng
106	Nguyễn Đông	Sương	24.10.1992	Nam	Đà Nẵng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
107	Nguyễn Văn	Tân	12.04.1990	Nam	Hà Tĩnh	QLSXCN	TA	Không áp dụng
108	Lê Trọng	Thạch	11.04.1979	Nam	Quảng Ngãi	QLHH	TA	Không áp dụng
109	Đào Hương	Thanh	20.03.1996	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
110	Ngô Văn	Thanh	04.06.1991	Nam	Thái Bình	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
111	Đào Xuân	Thành	18.05.1977	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
112	Vũ Phương	Thảo	05.02.1985	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
113	Nguyễn Duy	Thế	16.09.1992	Nam	Nghệ An	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL

HỒ
TÀI
HC
H.
NAI

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chuyên ngành dự tuyển	Thi ngoại ngữ	Thi Đánh giá năng lực (Toán&KTH)	Ghi chú
114	Lê Đức	Thiên	03.04.1980	Nam	Khánh Hòa	QLHH	TA	Không áp dụng
115	Hoàng Đức	Thịnh	06.03.1996	Nam	Hải Phòng	QLHH	Miễn TA	Không áp dụng
116	Cao Thị Kim	Thoa	11.11.1995	Nữ	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL
117	Hoàng Lê	Thu	25.04.1991	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
118	Nguyễn Thị Minh	Thu	16.06.1991	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
119	Ngô Thị Hà	Thu	09.12.1999	Nữ	Hải Phòng	QLTC	Miễn TA	Thi ĐGNL
120	Nguyễn Phan Hằng	Thu	11.05.1993	Nữ	Hải Phòng	QLTC	TA	Thi ĐGNL
121	Phạm Mai	Thương	14.10.1992	Nữ	Hải Phòng	QLTC	Miễn TA	Thi ĐGNL
122	Phạm Thị	Thủy	25.09.1986	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
123	Hoàng Thị Thanh	Thủy	01.02.1977	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
124	Vũ Mạnh	Thuy	03.10.1995	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
125	Nguyễn Thị	Thủy	20.06.1988	Nữ	Hải Phòng	QLĐAĐT&XD	Miễn TA	Không áp dụng
126	Nguyễn Thị	Thùy	14.03.1985	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
127	Trần Xuân	Tiến	22.06.1986	Nam	Hải Phòng	QLĐAĐT&XD	TA	Không áp dụng
128	Nguyễn Hóa	Tiến	14.08.1977	Nam	Hà Tĩnh	QLHH	TA	Không áp dụng
129	Phạm Văn	Tĩnh	02.08.1984	Nam	Hải Phòng	QLĐAĐT&XD	TA	Không áp dụng
130	Đỗ Đức	Toàn	14.02.1996	Nam	Hải Phòng	QLHH	TA	Không áp dụng
131	Trần Thị Quỳnh	Trang	22.05.1994	Nữ	Hà Nam	QLHH	TA	Không áp dụng
132	Nguyễn Cẩm	Trang	24.07.1988	Nữ	Hưng Yên	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
133	Phạm Thu	Trang	08.12.1998	Nữ	Thái Bình	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
134	Trương Thị Huyền	Trang	18.11.1991	Nữ	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
135	Hoàng Thị	Trang	22.10.1987	Nữ	Hải Phòng	QLTC	Miễn TA	Thi ĐGNL
136	Lê Thị	Trang	09.06.1989	Nữ	Thái Bình	QLTC	TA	Thi ĐGNL
137	Nguyễn Bảo	Trung	25.08.1991	Nam	Hải Phòng	QLĐAĐT&XD	TA	Không áp dụng
138	Nguyễn Văn	Trung	09.01.1985	Nam	Hải Phòng	QLĐAĐT&XD	TA	Không áp dụng
139	Nguyễn Minh	Trung	04.03.1990	Nam	Thanh Hóa	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
140	Nguyễn Thành	Trung	20.08.1983	Nam	Thái Bình	QLSXCN	Miễn TA	Không áp dụng
141	Phạm	Trương	02.05.1999	Nam	Hải Phòng	QLHH	TA	Không áp dụng
142	Nguyễn Minh	Tú	19.05.1995	Nam	Hải Dương	KTĐT-VT	TA	Không áp dụng
143	Phạm Đức	Tự	14.08.1986	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
144	Bùi Đức	Tuấn	08.12.1992	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
145	Ngô Đăng Minh	Tuấn	13.10.1993	Nam	Quảng Ninh	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
146	Nguyễn Xuân	Tùng	07.03.1991	Nam	Đà Nẵng	QLHH	TA	Không áp dụng
147	Trần Dương Thanh	Tùng	14.06.1989	Nam	TP. Hồ Chí Minh	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL
148	Trần Thanh	Tùng	25.11.1996	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL
149	Hoàng Thị Thu	Uyên	13.12.1999	Nữ	Hải Phòng	QLVT&Logistics	Miễn TA	Không áp dụng
150	Dương Hồng	Vân	15.12.1992	Nữ	Hà Nội	QLHH	Miễn TA	Không áp dụng
151	Hồ Thị Thanh	Vân	30.08.1979	Nữ	Đà Nẵng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chuyên ngành dự tuyển	Thi ngoại ngữ	Thi Đánh giá năng lực (Toán&KTH)	Ghi chú
152	Vũ Đình Vang	27.11.1984	Nam	Nam Định	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
153	Nguyễn Trường Phú	14.04.1999	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	
154	Lương Tuấn Vũ	26.02.1992	Nam	Lâm Đồng	QLDAĐT&XD	TA	Không áp dụng	
155	Lê Quang Vũ	11.12.1991	Nam	Hải Phòng	QL Kinh tế	TA	Thi ĐGNL	
156	Nguyễn Đình Vương	05.05.1997	Nam	Bắc Ninh	QLSXCN	Miễn TA	Không áp dụng	
157	Lê Thị Ngọc Vy	13.02.1992	Nữ	Hải Phòng	KTĐT-VT	TA	Không áp dụng	
158	Bùi Thị Hải Yến	10.12.1992	Nữ	Hải Phòng	QL Kinh tế	Miễn TA	Thi ĐGNL	

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2022



PGS. TS. Phạm Xuân Dương